

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 659/TTr-TNMT ngày 19/10/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH sản phẩm giấy Lichien Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Lô CNSG-04, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Dự án nhà máy Lichien Việt Nam” tại Lô CNSG-04 (Thuê nhà xưởng Công ty TNHH phát triển Kinh Bắc BG), KCN Vân Trung, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án: Dự án nhà máy Lichien Việt Nam

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH sản phẩm giấy Lichien Việt Nam

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CNSG-04 (Thuê nhà xưởng Công ty TNHH phát triển Kinh Bắc BG), KCN Vân Trung, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0202054456 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/11/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/08/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 3408253311 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 04/8/2023.

1.5. Mã số thuế: 0202054456

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất, gia công và in ấn các loại bao bì giấy: giấy miếng, thùng giấy, hộp giấy, túi giấy và các loại vật liệu bao bì khác dùng cho sản phẩm điện tử, đồ chơi và giày dép.

- In ấn bao bì thùng giấy, hộp giấy, túi giấy, các loại bao bì khác, tem nhãn sản phẩm và các loại tài liệu hướng dẫn dùng cho sản phẩm điện tử, đồ chơi và giày dép.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Lô CNSG-04 (Thuê nhà xưởng Công ty TNHH phát triển Kinh Bắc BG), KCN Vân Trung, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích 11.514 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất và gia công các loại bao bì giấy: giấy miếng, thùng giấy, hộp giấy, túi giấy và các loại vật liệu bao bì khác dùng cho sản phẩm điện tử, đồ chơi và giày dép: 21.000.000 sản phẩm/năm.

+ In ấn bao bì thùng giấy, hộp giấy, túi giấy, các loại bao bì khác, tem nhãn sản phẩm và các loại tài liệu hướng dẫn dùng cho sản phẩm điện tử, đồ chơi và giày dép: 15.000.000 sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH sản phẩm giấy Lichien Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH sản phẩm giấy Lichien Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH sản phẩm giấy Lichien Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Yên Dũng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Yên Dũng.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 09 (chín) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Yên Dũng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án nhà máy Lichien Việt Nam” tại Lô CNSG-04 (Thuê nhà xưởng Công ty TNHH phát triển Kinh Bắc BG), KCN Vân Trung, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH sản phẩm giấy Lichien Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định 925/QĐ-TNMT ngày 19/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH sản phẩm giấy Lichien Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này

đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang; UBND huyện Yên Dũng; Công ty TNHH sản phẩm giấy Lichien Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
  - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
  - + Lưu: VT, KTN Việt Anh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất) phát sinh của Công ty sản phẩm giấy Lichien Việt Nam được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường, dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại 3 ngăn, thể tích 15,2 m<sup>3</sup>/bể, sau đó được thu gom bằng đường ống HDPE DN110-DN150 với tổng chiều dài 99m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sản xuất: Nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ gạt mực, thoa keo; từ hoạt động vệ sinh máy in, rửa bản in được thu gom bằng đường ống uPVC 110, 160 với tổng chiều dài 217m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 1 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiền xử lý hóa lý. Sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý sinh học cùng nước thải sinh hoạt.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sản xuất (bể hợp khối composite):

Nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể điều hòa → Thiết bị phản ứng đông keo tụ lắng tích hợp → Bể chứa trung gian → Hệ thống lọc áp lực → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ hóa lý
- Công suất thiết kế: 1 m<sup>3</sup>/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:
- + Dung dịch NaOH dùng để trung hòa pH: 11.416kg/năm
- + PAC: 14.336kg/năm
- + Polyme trợ lắng, đông keo tụ: 2.867kg/năm
- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) và nước thải sản xuất sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom (song chắn rác) → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hồ ga nước thải đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học
- Công suất thiết kế: 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng của hệ thống xử lý:
- + Methanol dùng để nuôi vi sinh: 1.187kg/năm
- + NaOCl khử trùng: 1.373kg/năm

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải khi vận hành, đặc biệt là các thiết bị điện. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn, bơm... thay thế các thiết bị hỏng hóc của hệ thống xử lý nước thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không

sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

- Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Nếu phát hiện có bất cứ thông số nào vượt quá ngưỡng cho phép theo Quy chuẩn hiện hành thì lập tức cho kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố phát sinh.

- Trang bị máy phát điện dự phòng đảm bảo hoạt động của các phụ tải điện, tránh hiện tượng hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

#### 1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Vân Trung; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Báo cáo đơn vị quản lý KCN Vân Trung khi xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt chuẩn theo yêu cầu của khu công nghiệp Vân Trung, huyện Yên Dũng (không đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống xử lý nước thải vận hành trở lại.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống xử lý, Chủ dự án thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

- + Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

- + Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

- + Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ dự án liên

hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý để khắc phục, xử lý.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí trước và sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn áp dụng
1	01 vị trí nước thải đầu vào (tại Bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt)	Lưu lượng, pH, nhiệt độ, độ màu, BOD <sub>5</sub> , COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua (S <sup>2</sup> ), Amoni, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng Photpho, Tổng nitơ, Coliform.	Thực hiện lấy 01 lần. Thời gian lấy mẫu: Ngày 22/01/2024.	QCVN 40:2011/BTN MT (Cột B)
2	01 vị trí tại điểm xả nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt		Tần suất quan trắc nước thải là 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp: Lần 1: Ngày 22/01/2024; Lần 2: Ngày 23/01/2024; Lần 3: Ngày 24/01/2024	

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

3.1. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, huyện Yên Dũng. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép



môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải: Có 05 nguồn phát sinh từ nhà xưởng số 2**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy in 6B
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy in 6DUV
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ máy in lụa
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ máy cán màng tự động
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ máy tráng dầu UV tự động

**2. Dòng khí thải và vị trí xả khí thải**

2.1. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ khu vực in (nhà xưởng số 2).

**2.2. Vị trí xả khí thải**

- Vị trí xả thải: 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực in (nhà xưởng số 2).

- Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục  $107^0$ , múi chiều  $3^0$ ): X = 2349892; Y=411252.

**2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Lưu lượng xả thải tối đa: 10.000 m<sup>3</sup>/giờ tương đương 160.000 m<sup>3</sup>/ngày (thời gian làm việc 16 giờ/ngày).

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong thời gian làm việc (thời gian làm việc 16 giờ/ngày).

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra ngoài môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 20:2009/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ) cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Căn cứ khoản 2 điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP dự án không thuộc
2	Styren	mg/Nm <sup>3</sup>	100	
3	Butyl Acetate	mg/Nm <sup>3</sup>	950	

STT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
4	Isopropanol (n-Propanol)	mg/Nm <sup>3</sup>	980	đôi tượng phải quan trắc định kỳ đối với khí thải

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Khí thải phát sinh tại 1 máy in 6B, 1 máy in 6DUV, 1 máy in lựa, 1 máy cán màng tự động, 1 máy tráng dầu UV tự động tổng cộng gồm có 5 máy sẽ sử dụng ống hút tại từng vị trí phát sinh, khí thải sẽ được thu gom về ống  $\Phi 200$ , kích thước 400x400mm và  $\Phi 200$ , kích thước 300x300mm; tổng chiều dài đường ống thu gom là 89,92m (của 5 máy) sau đó dẫn về ống chính kích thước 600x600, dài 36m cuối cùng được dẫn về hệ thống tháp hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải → ống hút → Đường ống thu gom → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 10.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính: 914 kg/năm

#### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

\* *Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố môi trường*

- Dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Định kỳ (01 năm/lần) thuê đơn vị bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để

đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn cho phép.

\* *Biện pháp ứng phó sự cố:*

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 Hệ thống xử lý khí thải khu vực in (nhà xưởng số 2).

2.3. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực in (nhà xưởng số 2).

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm từng dòng thải tương ứng (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.5. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực in (nhà xưởng số 2)	Lưu lượng, Styren, Butyl Acetate, Isopropanol (n-Propanol)	Tần suất quan trắc khí thải là 01 ngày/lần, trong 03 ngày liên tiếp. - Lần 1: Ngày 22/01/2024 - Lần 2: Ngày 23/01/2024 - Lần 3: Ngày 24/01/2024	QCVN 20:2009/BTNMT.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 07 nguồn

- Nguồn số 01: Khu vực máy cắt tầng 1 nhà xưởng 1
- Nguồn số 02: Khu vực phòng khuôn dao tầng 2 nhà xưởng 1
- Nguồn số 03: Khu vực in: máy in, máy cán màng, máy tráng dầu tầng 1 nhà xưởng 2.
- Nguồn số 04: Khu vực máy dán sóng, máy dập tầng 1 nhà xưởng 2
- Nguồn số 05: Khu vực máy gập hộp, máy tạo hình tự động tầng 1 nhà xưởng 2.
- Nguồn số 06: Khu vực máy gấp, máy dập, dây chuyền gia công tầng 2 nhà xưởng 2.
- Nguồn số 07: Khu vực máy phát điện.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, trục kinh tuyến 107<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>).

- + Vị trí số 01. Tọa độ: X (m) = 2349882, Y (m) = 411303
- + Vị trí số 02. Tọa độ: X (m) = 2349897, Y (m) = 411312
- + Vị trí số 03. Tọa độ: X (m) = 2349872, Y (m) = 411255
- + Vị trí số 04. Tọa độ: X (m) = 2349896, Y (m) = 411255
- + Vị trí số 05. Tọa độ: X (m) = 2349919 , Y (m) = 411257
- + Vị trí số 06. Tọa độ: X (m) = 2349912, Y (m) = 411279
- + Vị trí số 07. Tọa độ: X (m) = 2349840, Y (m) = 411324

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

#### 3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	85	85	Khu vực thông thường

## 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	1,4m/s <sup>2</sup> (103 dBA)	1,4m/s <sup>2</sup> (103 dBA)	<i>Khu vực thông thường</i>

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.
- Kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt máy móc, lắp đặt chân đệm cao su giảm rung động, ồn.
- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Đối với thiết bị vận hành cố định (như máy bơm, máy phát điện dự phòng) được bố trí khu vực riêng.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: Nút tai, bao tai, mũ bảo hiểm, găng tay, kính,...
- Bố trí thời gian làm việc cho cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn kéo dài.
- Đối với tiếng ồn từ các phương tiện giao thông: Yêu cầu công nhân tắt máy, dẫn bộ đối với xe máy khi ra vào nhà máy. Các phương tiện vận chuyển phải được yêu cầu hạn chế việc bấm còi xe trong khu vực nếu không cần thiết.
- Ngoài ra bổ sung rải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan, vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí.
- Đối với tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các đơn vị thuê xưởng. Chủ dự án tự chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn độ rung phát sinh từ đơn vị mình, chi tiết được thể hiện trong báo cáo môi trường của đơn vị thuê xưởng.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA  
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	100
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	30
3	Găng tay, giẻ lau dính thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	300
4	Bao bì cứng bằng kim loại	18 01 02	Rắn	1.558,71
5	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03	Rắn	2.543
6	Mực in thải	08 02 01	Lỏng	422,07
7	Dầu thải máy tổng hợp thải	17 02 01	Lỏng	200
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng	12 01 04	Rắn	914
9	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại hữu cơ (Chôi gạt keo thải bằng cao su)	19 12 02	Rắn	929
10	Keo thừa	08 03 01	Lỏng	1.402,5
11	Bùn thải có thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	156
<b>Tổng lượng phát sinh</b>				<b>8.555,28</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên khoảng 367.264,65 kg/năm gồm:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
1	Giấy vụn, lõi, rách, giấy in sai (chiếm khoảng: 9% tổng khối lượng sản phẩm của dự án)	366.466,25
2	Bavia kim loại, mặt kim loại phát sinh từ quá trình tạo khuôn dao (chiếm khoảng: 0,6% nguyên liệu đầu vào)	24
3	Đinh ghim, vật liệu đóng gói thải (chiếm khoảng: 0,6% nguyên liệu đầu vào)	108

4	Balet thải	80
5	Bản in lụa thải	86,4
6	Bản CTP thải	500
<b>Tổng</b>		<b>367.264,65</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 227,7 kg/ngày tương đương khoảng 71.042,4kg/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng chứa chất thải chuyên dụng dung tích 100l/thùng và 200l/thùng, có nắp đậy phù hợp với từng loại chất thải, ghi rõ tên chất thải, mã chất thải nguy hại, dấu hiệu cảnh báo ở bên ngoài thùng chứa.

- Đối với than hoạt tính thải được thu gom vào các bao chứa loại 500 kg/bao.

#### 2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho chứa diện tích 14,2 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có mái che, lắp đặt cửa ra vào, có khóa, trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH; nền có gờ chống tràn xây dựng bằng gạch đặc tại cửa ra vào, rãnh và hố thu gom chất thải lỏng phòng ngừa sự cô tràn dầu, chiều cao công trình 3,35m. Kho được bố trí trong kho rác chung của Dự án, kho rác chung diện tích 51m<sup>2</sup> nằm ở phía sau nhà xưởng số 2.

- Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 06 tháng/lần.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 10 thùng chứa chất thải có nắp đậy bằng nhựa với dung tích 100lít/thùng tại các khu vực sản xuất để thu gom các loại chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh.

#### 2.2.2. Kho/ khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải: 10 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho dựng khép kín, tấm ngăn bao quanh, nền xi măng, mái tôn, có cửa ra vào, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, chiều cao công trình 3,35m, được bố trí trong kho rác chung của Dự án, kho rác chung diện tích 51m<sup>2</sup> nằm ở phía sau nhà xưởng số 2.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 01 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.



## 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 20 thùng chứa rác thải dung tích 100 lít/thùng đặt ở khu vực văn phòng, khu vực sản xuất để thu gom và phân loại chất thải phát sinh tại nguồn; bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy bằng nhựa dung tích 200l để đựng thức ăn thừa.

### 2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho: 10 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo kho: Kho xây dựng bằng gạch, nền láng xi măng, mái tôn, có cửa ra vào, trên cửa có lắp biển tên đúng quy cách, được bố trí trong kho rác chung của Dự án, kho rác chung diện tích 51m<sup>2</sup> nằm ở phía sau nhà xưởng số 2.

Thùng đựng thức ăn thừa chủ dự án sẽ gửi nhà thầu cung cấp suất ăn công nghiệp cho dự án, tần suất 01 lần/ngày.

Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, tần suất dự kiến 01 lần/ngày (vào cuối ngày).

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý. Chỉ tiếp tục hoạt động sản xuất sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**Công ty TNHH sản phẩm giấy Lichien Việt Nam có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.
- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.
- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.
- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.
- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND huyện Yên Dũng trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.
- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 659/TTr-TNMT ngày 19/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.